

CTCP CẢNG ĐỒNG NAI (HOSE - PDN)

BÁO CÁO CẬP NHẬT KQKD

TRUNG LẬP

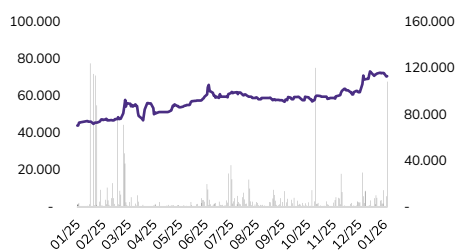
Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Cảng, logistics
Ngày báo cáo	: 29/01/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 110.600
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 118.800
Tỷ lệ tăng	: 7,4%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 6.146
SLCPĐLH (CP)	: 55.565.820

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Q4/2024	Q4/2025
Tăng trưởng DTT (%)	10,3%	16,6%
Tăng trưởng LNST (%)	7,9%	19,7%
Biên LNG (%)	34,7%	35,7%
Biên LNST (%)	23,5%	24,1%
ROA (%)	12,0%	5,6%
ROE (%)	7,6%	7,0%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,06	0,06
EPS (VND/CP)	2.344	1.870
BVPS (VND/CP)	33.466	26.726

Nguồn: FiinPro, ABS Research

KQKD 2025 đạt đỉnh lịch sử

- KQKD Q4/2025: Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tích cực**
 - Doanh thu thuần (DTT) đạt mức kỷ lục trong lịch sử hoạt động là 430 tỷ đồng (+16,6% svck) nhờ sản lượng ngành hàng tổng hợp và container thông cảng đều tăng so với cùng kỳ, lần lượt là 14,9% và 3% svck.
 - Trong khi đó, chi phí giá vốn hàng bán là 272 tỷ đồng (+14,8% svck), tăng do: 1) chi phí thuê ngoài tăng 15,3% svck do tăng sản lượng dịch vụ vận tải thủy cho hàng container; 2) chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương tăng 15,2% svck do quỹ lương năm 2025 cao hơn năm trước.
 - Lợi nhuận gộp đạt 154 tỷ đồng (+19,9% svck). Biên lợi nhuận gộp đạt 35,7% (+1,2 điểm phần trăm), giảm so với các quý trước, tuy nhiên đã tăng so với cùng kỳ năm trước cho thấy hiệu quả hoạt động cải thiện.
 - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (HĐTC) đạt 15 tỷ đồng (+85,2% svck) nhờ lãi tiền gửi tăng lên 17 tỷ đồng (+66,1% svck).
 - Chi phí BH&QLDN giảm 13,8% svck còn 22 tỷ đồng. Trong đó, chi phí bán hàng tăng 25% svck lên 9 tỷ đồng chủ yếu do chi phí hoa hồng và chi phí hội nghị. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống 13 tỷ đồng (-29,3% svck) nhờ cắt giảm chi phí thuê đất.
 - Trong kỳ, PDN phát sinh khoản chi phí thu nhập khác là 16 tỷ đồng. Tuy nhiên đây chủ yếu là bút toán kế toán, phát sinh từ việc trình bày lại khoản hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương năm 2025 vào giảm chi phí năm 2025 thay vì hạch toán vào thu nhập khác theo đúng nghị định 320/2025/NĐ-CP. Vì vậy, khoản này không làm thay đổi dòng tiền thực tế và hiệu quả hoạt động cốt lõi.
- Lũy kế cả năm 2025: Doanh thu và lợi nhuận đạt kỷ lục, hiệu quả hoạt động liên tục được cải thiện**
 - DTT cả năm 2025 đạt 1.575 tỷ đồng (+14,3% svck) nhờ sản lượng hàng hóa giữ mức tăng trưởng tốt mặc dù bối cảnh kinh tế thế giới biến động. Theo ước tính của doanh nghiệp, sản lượng hàng tổng hợp trong năm 2025 đạt 7,3 triệu tấn (+6,5% svck); hàng container đạt 1,5 triệu TEUs (+6,8% svck).
 - Lợi nhuận gộp đạt 592 tỷ đồng (+14,7% svck), biên lợi nhuận gộp tiếp tục mở rộng lên 37,6%. Đây là mức biên lợi nhuận gộp cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

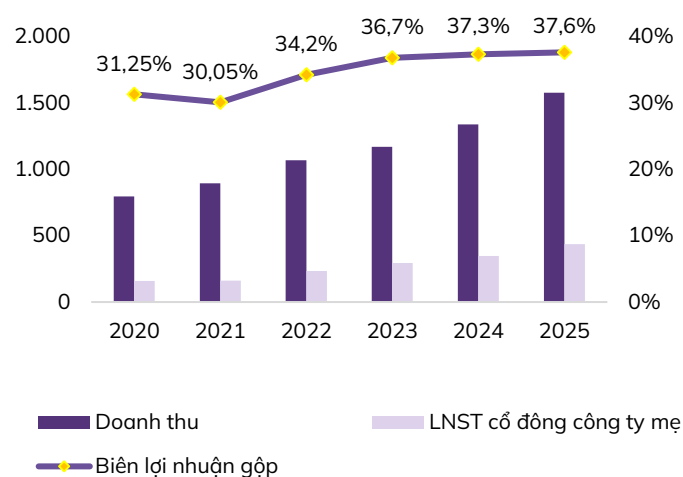
KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA PDN Q4/2025 & năm 2025

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	Q4/2024	Q4/2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	369	430	16,6%	1.378	1.576	14,3%
Lợi nhuận gộp	128	154	19,9%	516	592	14,7%
Biên LN gộp	34,7%	35,7%		37,5%	37,6%	
Chi phí BH & QLDN	-26	-22	-13,8%	-81	-83	2,8%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	-7,0%	-5,2%		-5,9%	-5,3%	
Doanh thu tài chính	10	17	65,4%	25	40	58,0%
Chi phí tài chính	-2	-1	-22,5%	-7	-5	-24,7%
Chi phí lãi vay	-2	-1	-21,7%	-7	-5	-24,7%
Lợi nhuận tài chính	8	15	85,2%	18	34	90,5%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	111	147	32,7%	433	545	25,9%
Lợi nhuận trước thuế	111	131	18,1%	434	546	25,8%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	87	104	19,7%	347	437	25,7%
Biên LN ròng	23,5%	24,1%		25,2%	27,7%	

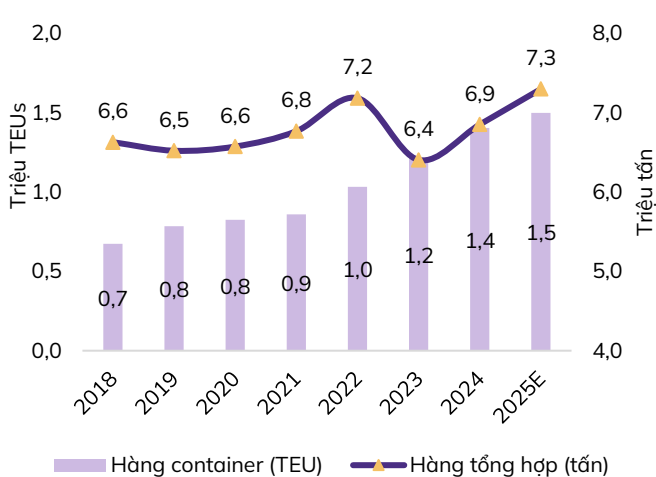
Nguồn: PDN, ABS Research

- ✓ Các yếu tố hỗ trợ kết quả kinh doanh tích cực là: 1) Sản lượng hàng xuất khẩu gia tăng trong năm 2025, một phần dưới tác động của thuế quan Mỹ làm gia tăng nhu cầu tích trữ hàng hóa; 2) Tận dụng vị trí địa lý thuận lợi, kết nối khu vực sản xuất Đông Nam Bộ với cảng biển nước sâu Cái Mép – Thị Vải ; 3) Tiếp tục hưởng lợi từ chính sách nhà nước về việc thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng cảng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, khiến chi phí logistics tại khu vực này tăng và thúc đẩy một phần hàng hóa dịch chuyển về các cảng vệ tinh như PDN; 4) Công ty tích cực mở rộng các tuyến hàng nội địa và quá cảnh Lào – Campuchia, đồng thời đẩy mạnh luồng container trung chuyển ra cảng nước sâu đi Châu Âu, Châu Mỹ.
- ✓ Lợi nhuận tài chính đạt 34 tỷ đồng (+90,5% svck), trong đó doanh thu từ HĐTC tăng lên 40 tỷ đồng (+58% svck) chủ yếu do tăng lãi tiền gửi.
- ✓ LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 437 tỷ đồng (+25,7% svck), biên lợi nhuận ròng đạt 27,7% (+2,5 điểm phần trăm svck). Đây là kết quả lợi nhuận sau thuế cao nhất trong lịch sử của công ty. Như vậy công ty đã hoàn thành 113% kế hoạch doanh thu và 121% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Doanh thu, lợi nhuận (tỷ đồng) và biên lợi nhuận gộp (%)



Tổng sản lượng hàng hóa khai thác



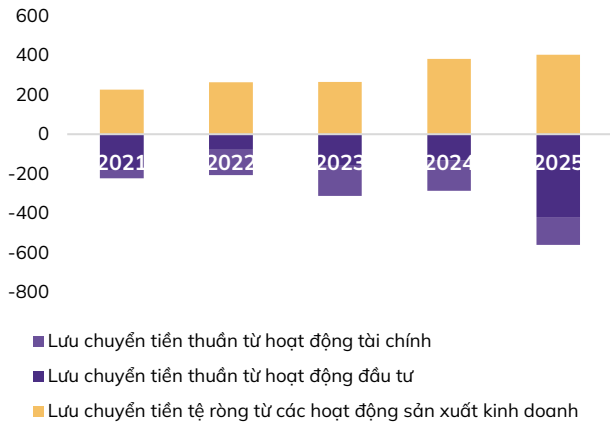
Nguồn: PDN, ABS Research

- Công ty có sức khỏe tài chính lành mạnh, quy mô nợ vay rất thấp
- ✓ Công ty dự trữ lượng tiền dồi dào. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của PDN đạt 1.844 tỷ đồng (+19,1% so với đầu năm). Tiền và tiền gửi ngân hàng tăng lên 900 tỷ đồng (+30,3% so với đầu năm, chiếm 48,8% tổng tài sản). Gia tăng tiền gửi giúp PDN tăng thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và chủ động chi trả cổ tức. Về chính sách cổ tức, công ty duy trì mức trả cổ tức

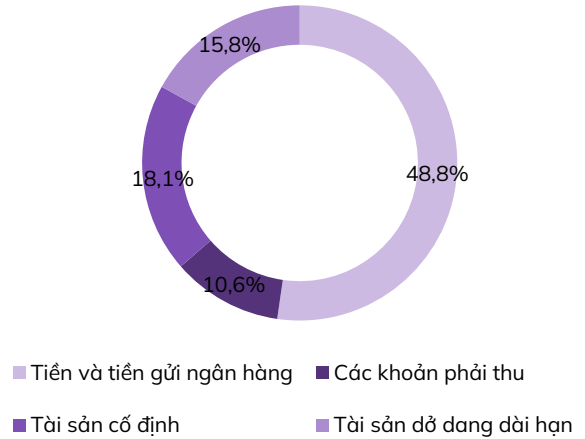
bằng tiền mặt khá cao cho cổ đông, thường xuyên ở mức trên 30%/vốn điều lệ kể từ năm 2018, trong đó tỷ lệ cao nhất là 50%/vốn điều lệ trong năm 2022; năm 2025 dự kiến là 33%/vốn điều lệ.

- ✓ **Quy mô nợ vay rất nhỏ.** Nợ vay của PDN tại ngày 31/12/2025 là 95 tỷ đồng (+39% so với đầu năm) chủ yếu do tăng nợ vay ngắn hạn lên 71 tỷ đồng (+201% so với đầu năm). Tuy nhiên quy mô này rất nhỏ so với tổng nguồn vốn. Tỷ lệ nợ vay/vốn CSH hiện nay là 0,06 lần. Tỷ lệ này đã có xu hướng giảm dần qua các năm.
- ✓ **Dòng tiền từ HĐSXKD rất khỏe mạnh, dương thường xuyên, giúp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.**

Dòng tiền của PDN (Tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản của PDN tại ngày 31/12/2025



Nguồn: PDN, ABS Research

- **Triển vọng và Định giá:** Chúng tôi cho rằng triển vọng hoạt động sản xuất kinh doanh của PDN trong năm 2026 là tích cực.
- ✓ **Sản lượng hàng hóa thông cảng dự kiến tăng trưởng tích cực.** Các yếu tố hỗ trợ gia tăng sản lượng hàng hóa thông cảng bao gồm:

(i) Hoạt động xuất khẩu dự kiến lạc quan. Trong năm 2025, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt hơn 475 tỉ USD (+17% svck) mặc dù bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm và thương mại tại các thị trường lớn gặp nhiều khó khăn. Năm 2026, Bộ Công thương dự báo xuất khẩu tiếp tục tăng khoảng 8% svck lên 513 tỉ USD; đồng thời cán cân thương mại kỳ vọng tiếp tục xuất siêu ở mức trên 23 tỉ USD, tăng 15% so năm 2025. Đà tăng của xuất khẩu Việt Nam năm 2026 sẽ kéo theo nhu cầu gom hàng và trung chuyển container từ khu vực Đông Nam Bộ ra các cảng nước sâu, hỗ trợ tăng trưởng sản lượng hàng hóa thông qua PDN.

(ii) Triển vọng xây dựng – cơ sở hạ tầng, bất động sản dự báo lạc quan trong năm 2026. Các mặt hàng thông qua PDN chủ yếu gồm sắt thép xây dựng, đá và bột đá, nhựa đường, xi măng/clinker và xỉ lò cao, là những vật liệu đầu vào thiết yếu cho hoạt động xây dựng dân dụng, công nghiệp và phát triển hạ tầng giao thông. Trong bối cảnh ngành xây dựng, cơ sở hạ tầng và bất động sản được kỳ vọng cải thiện trong năm 2026, nhu cầu tiêu thụ và vận chuyển các nhóm vật liệu cơ bản này nhiều khả năng gia tăng, qua đó tạo dư địa thuận lợi cho sản lượng hàng tổng hợp qua PDN duy trì đà tăng trưởng.

(iii) Hưởng lợi gián tiếp từ vị trí địa lý với vai trò là điểm kết nối và trung chuyển hàng hóa bằng sà lan từ khu vực sản xuất Đông Nam Bộ đến cụm cảng nước sâu Cái Mép – Thị Vải, đặc biệt trong bối cảnh cụm cảng này đang được đẩy mạnh đầu tư và định hướng phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế. Đồng thời, doanh nghiệp có thể tận dụng lợi thế từ hệ sinh thái Sonadezi khi công ty mẹ đang đầu tư, góp vốn và phát triển nhiều khu công nghiệp quy mô lớn tại Đồng Nai. Các cảng do PDN quản lý có vị trí gần các khu công nghiệp này và khu vực lân cận, giúp PDN tiếp cận nguồn hàng ổn định.

(iv) Tiếp tục hưởng lợi từ chính sách thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng cảng biển tại TP.HCM. Chính sách thu phí hạ tầng cảng biển tại TP.HCM đã được áp dụng từ năm 2022 và nhiều khả năng tiếp tục duy trì trong năm 2026. Việc

duy trì mức phí này khiến chi phí logistics tại khu vực cảng TP.HCM cao hơn tương đối so với các cảng vệ tinh, qua đó khuyến khích doanh nghiệp dịch chuyển hoặc phân bổ một phần sản lượng về các cảng sông như PDN để tối ưu chi phí tổng thể.

- ✓ **Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng sản lượng có thể chậm lại so với cùng kỳ.** Sau giai đoạn tăng trưởng mạnh nhờ hiệu ứng phục hồi thương mại và dịch chuyển chuỗi cung ứng, chúng tôi cho rằng sản lượng thông cảng của PDN trong năm 2026 sẽ tăng trưởng chậm lại, do: (i) nền so sánh cao trong năm 2025 khi doanh nghiệp hưởng lợi từ hiệu ứng tích trữ đơn hàng liên quan đến biến động thuế quan; (ii) kinh tế toàn cầu dự kiến tăng trưởng chậm lại trong bối cảnh thương mại quốc tế còn nhiều bất định; và (iii) cạnh tranh giữa các cảng trong khu vực Đông Nam Bộ gia tăng khi một số dự án hạ tầng và điểm thông quan mới đi vào vận hành.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của ở mức 528 tỷ đồng (+21,0% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 9.502 đ/cp và 32.929 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 11,6x và 3,3x lần. ROE dự kiến đạt 28,9%.
- ✓ Chúng tôi thực hiện định giá PDN bằng phương pháp so sánh, kết hợp P/E và P/B. Mức giá mục tiêu trong 12 tháng là 118.800 đ/cp (+7,5% so với giá hiện tại). Chúng tôi khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu PDN

PHỤ LỤC – MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA PDN

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	1.068	1.167	1.337	1.576
Giá vốn	(702)	(738)	(839)	(984)
Lợi nhuận gộp	365	429	499	592
Doanh thu tài chính	16	26	25	40
Chi phí tài chính	(14)	(11)	(7)	(5)
Chi phí bán hàng	(20)	(21)	(22)	(22)
Chi phí quản lý	(55)	(53)	(61)	(59)
Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	292	369	433	545
Lợi nhuận/(lỗ) khác	1	(1)	0	0
Lợi nhuận trước thuế	292	368	434	546
Lợi nhuận sau thuế	234	295	347	437
LNST cổ đông Công ty mẹ	234	295	347	437

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	263	265	382	404
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(78)	(159)	(134)	(421)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(128)	(154)	(152)	(140)
LCT thuần trong kỳ	56	(48)	95	(157)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	175	231	183	278
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	231	183	278	121

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,60	2,32	3,52	3,57
Khả năng thanh toán nhanh	1,16	1,23	1,79	1,02
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,79	0,68	1,16	0,39
Khả năng thanh toán lãi vay	20,29	32,57	58,98	96,45
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,67	0,74	0,80	0,81
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,33	0,26	0,20	0,19
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,23	0,14	0,06	0,06

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	35,05	39,10	39,44	37,86
Số ngày phải trả	50,60	44,02	37,38	39,01
Số ngày tồn kho	0,54	0,57	0,56	0,54
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	34,2%	36,7%	37,3%	37,6%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	27,3%	31,6%	32,4%	34,6%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	21,9%	25,2%	26,0%	27,7%
ROE	30,2%	32,2%	31,0%	32,0%
ROA	19,7%	22,7%	23,9%	25,7%
ROIC	30,1%	32,6%	33,5%	32,8%

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	231	183	278	121
+ Đầu tư ngắn hạn	125	290	413	779
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	109	151	150	195
+ Hàng tồn kho	1	1	2	1
+ Tài sản ngắn hạn khác	1	4	0	8
Tài sản ngắn hạn	467	628	843	1.103
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	383	389	356	334
+ Tài sản dở dang	278	234	234	292
+ Đầu tư dài hạn	63	63	71	71
Tài sản dài hạn	771	731	706	740
Tổng tài sản	1.238	1.359	1.549	1.844
+ Vay ngắn hạn	91	67	23	71
+ Phải trả người bán	97	81	91	119
+ Nợ ngắn hạn khác	104	123	125	120
Nợ ngắn hạn	293	271	239	310
+ Vay dài hạn	98	69	45	25
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	20	20	25	25
Nợ dài hạn	117	88	70	49
Tổng nợ phải trả	410	359	309	359
+ Vốn cổ phần	185	370	370	556
+ Thặng dư vốn cổ phần	74	74	74	74
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	155	209	310	380
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	828	1.000	1.240	1.485
Tổng cộng nguồn vốn	1.238	1.359	1.549	1.844

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	19,6%	9,3%	14,6%	17,8%
Tăng trưởng LNTT	45,7%	26,0%	17,7%	25,8%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	45,7%	25,8%	17,9%	25,7%
Tăng trưởng EPS	50,1%	-31,9%	17,9%	16,2%
Tăng trưởng VCSH	0,0%	100,0%	0,0%	50,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	8,4%	9,8%	13,9%	19,1%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	8,57	13,58	12,32	14,31
P/B	2,24	4,00	3,45	4,21
EV/EBITDA	5,21	9,64	8,73	11,11
EV/Sales	1,70	3,39	3,04	3,95
EPS	11.677	7.952	9.374	7.856
BVPS	44.701	27.007	33.466	26.726

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây